

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 11-01-2024

V/v tranh chấp hợp tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Bé Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Mỹ Hương và bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Ngọc Dung, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:** Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 637/2023/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP X.

Trụ sở: Tầng H – Vincom Center, G L và D đường L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Do bà Đỗ Hà P – Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện theo pháp luật.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đoàn Văn A – Giám đốc Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh A1. Theo Giấy ủy quyền số 603/2023/EIB/UQ-CTHĐQT, ngày 29/12/2023 của Ngân hàng TMCP X.

Ông Đoàn Văn A ủy quyền lại cho bà Trương Quỳnh Khuê L – Phó Phòng Khách hàng cá nhân – Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh A1. Theo Giấy ủy quyền số 13/2024/EIBAG/UQ, ngày 10/01/2024 của Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh A1. Địa chỉ liên hệ: 46 H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Ông Lê Tiền P1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: E đường T, tổ H, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ngày 11/01/2024 có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Quỳnh Khuê L; vắng mặt ông Lê Tiền P1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 31/07/2023 nguyên đơn Ngân hàng TMCP X thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:*

Ngày 14/4/2018 ông Lê Tiền P1 ký với Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh A1 “Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế” và đến ngày 08/4/2019 ông Lê Tiền P1 tiếp tục ký với Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh A1 “Đề nghị gia hạn thẻ tín dụng quốc tế” với những nội dung cụ thể như sau: tên chủ thẻ Lê Tiền P1, số thẻ chính 3566818168024391, số tài khoản 150224849015133, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, thời hạn đến tháng 4/2023, lãi suất thẻ 33%/năm, phí trễ hạn 5% số tiền tối thiểu chưa thanh toán, sao kê hằng tháng ngày 8, hình thức đảm bảo tín chấp, mục đích tiêu dùng.

Đồng thời, ngày 24/6/2020 ông Lê Tiền P1 ký với Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh A1 “Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế” với những nội dung cụ thể như sau: tên chủ thẻ Lê Tiền P1, số thẻ chính 4041523486162799, số tài khoản 150210501001385, hạn mức thẻ 150.000.000 đồng, thời hạn đến tháng 7/2024, lãi suất thẻ 33%/năm, phí trễ hạn 5% số tiền tối thiểu chưa thanh toán, sao kê hằng tháng ngày 23, hình thức đảm bảo tín chấp, mục đích tiêu dùng.

Quá trình sử dụng thẻ tính đến ngày 10/7/2023 ông P1 vi phạm cam kết theo các điều khoản ghi trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng về việc trả nợ vay ngân hàng nên ngân hàng đã chuyển dư nợ thẻ tín dụng sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 28/7/2023 ông P1 còn nợ 189.041.717 đồng. Trong đó: vốn là 178.058.015 đồng và lãi, phí trễ hạn là 10.983.702 đồng.

Do ông P1 vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Tiền P1 có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền 189.041.717 đồng. Trong đó: vốn là 178.058.015 đồng và lãi, phí trễ hạn là 10.983.702 đồng. Kể từ ngày 31/7/2023 khách hàng còn phải chịu lãi suất phát sinh theo lãi suất thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng.

*Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bị đơn ông Lê Tiền P1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

*Tại phiên tòa ngày 11 tháng 01 năm 2024:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Xác định yêu cầu ông P1 trả 239.653.605 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 178.058.015 đồng; lãi tạm tính đến ngày 11/01/2024 là 41.801.239 đồng; phí thường niên 200.000 đồng; phí vượt hạn mức 1.276.071 đồng; phạt trễ hạn 18.318.280 đồng và tiếp tục duy trì lãi phát sinh từ ngày 12/01/2024 theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

Bị đơn ông Lê Tiền P1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu ông Lê Tiên P1 trả tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông P1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố L nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Về thủ tục ủy quyền: Ngân hàng TMCP X ủy quyền cho bà L. Việc ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, bà L tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP X theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Ông P1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Ngân hàng TMCP X vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng TMCP X, ông P1.

[3] Về nội dung vụ án: Ngân hàng C vào Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 14/4/2018; đề nghị gia hạn thẻ tín dụng thẻ quốc tế ngày 08/4/2019 và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 24/6/2020 ký giữa ông Lê Tiên P1 với Ngân hàng TMCP X chi nhánh A1 để cấp cho ông Lê Tiên P1 hạn mức thẻ lần lượt là 50.000.000 đồng, 150.000.000 đồng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng tính đến ngày 11/01/2024 đối với:

- Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 14/4/2018 ông P1 còn nợ lại nợ gốc là 35.229.084 đồng; lãi là 7.692.967 đồng; phạt trễ hạn là 2.019.996 đồng.

- Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 24/6/2020 ông P1 còn nợ lại nợ gốc là 142.828.931 đồng; lãi là 34.108.272 đồng; phạt trễ hạn

là 16.298.284 đồng; phí thường niên là 200.000 đồng và phí vượt hạn mức là 1.276.071 đồng.

Tổng nợ gốc, lãi và phí tính đến ngày 11/01/2024 của cả hai hợp đồng ông P1 còn nợ lại là 239.653.605 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông P1 không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hiện tại ông đã hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân hàng hay chưa. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp yêu cầu buộc ông P1 có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P1 phải nộp theo quy định pháp luật. Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X buộc bị đơn ông Lê Tiền P1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền còn nợ lại tính đến ngày 11/01/2024 là 239.653.605 (Hai trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm lẻ năm) đồng của:

- Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 14/4/2018 là 44.942.047 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 35.229.084 đồng; lãi là 7.692.967 đồng; phạt trễ hạn là 2.019.996 đồng.

- Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 24/6/2020 là 194.711.558 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 142.828.931 đồng; lãi là 34.108.272 đồng; phạt trễ hạn là 16.298.284 đồng; phí thường niên là 200.000 đồng và phí vượt hạn mức là 1.276.071 đồng.

Kể từ ngày 12/01/2024 ông P1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho

Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông P1 phải nộp 11.983.000 (Mười một triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP X được nhận lại 4.726.000 (Bốn triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002587, ngày 25 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

3/ Số tiền gốc, lãi, phí ông Lê Tiền P1 trả cho Ngân hàng TMCP X và tiền tạm ứng án phí Ngân hàng TMCP X được nhận lại sẽ do Ngân hàng TMCP X chi nhánh A1 đại diện nhận thay.

4/ Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án;

Ông Lê Tiền P1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Bé Thu**

